

Số: 1905/QĐ-CTHADS

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2024

### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-TCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tổng cục THADS về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024; Văn bản 3920/TCTHADS-KHTC ngày 01/10/2024 của Tổng Cục THADS về việc thông báo chi tiết một số nội dung giao điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1903 /QĐ-CTHADS ngày 08/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho Văn phòng Cục và các đơn vị trực thuộc;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục;

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của Văn phòng Cục và Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thành phố (theo các biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Trên trang thông tin điện tử của Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, bộ phận Kế toán hành chính sự nghiệp, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

#### Nơi nhận:

- Vụ KHTC-Tổng cục THADS (b/c);
- Các Phó Cục trưởng (đ/b);
- Lưu :VT, KTHC. *[Chữ ký]*

#### CỤC TRƯỞNG

*[Chữ ký]*

Nguyễn Thị Kim Yến

Đơn vị: Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc

Chương: 014

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-CCTHADS ngày 08/10/2024 của Cục trưởng Cục THADS Vĩnh Phúc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
<b>2</b>	<b>Phí thi hành án</b>	<b>0</b>
	trong đó:	
	Nộp NSNN	
	Nộp về Tổng cục THADS - Bộ Tư pháp	
	Chuyển Quỹ KTHCSN	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Chi tiết kiệm 40% để CCTL</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Lệ phí</b>	
<b>2</b>	<b>Phí thi hành án</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>79,195,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>79,195,000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	79,195,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
1.3	Kinh phí thực hiện không tự chủ (nguồn 14, tiết kiệm chi thường xuyên tăng thêm năm 2022 để tạo nguồn cải cách tiền lương)	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-khoản 085)</b>	<b>0</b>
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc

Chương: 014

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-CCTHADS ngày 08/10/2024 của Cục trưởng Cục THADS Vĩnh Phúc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
<b>2</b>	<b>Phí thi hành án</b>	<b>0</b>
	trong đó:	
	Nộp NSNN	
	Nộp về Tổng cục THADS - Bộ Tư pháp	
	Chuyển Quỹ KTHCSN	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Chi tiết kiệm 40% để CCTL</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
<b>2</b>	<b>Phí thi hành án</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>224,600,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>224,600,000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	224,600,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
1.3	Kinh phí thực hiện không tự chủ (nguồn 14, tiết kiệm chi thường xuyên tăng thêm năm 2022 để tạo nguồn cải cách tiền lương)	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-khoản 085)</b>	<b>0</b>
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	